

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi Tổng cục Thống kê cho biết nền kinh tế vẫn duy trì mức tăng trưởng dương trong 9 tháng đầu năm, an sinh xã hội được đảm bảo, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. F2110 tăng mạnh trong phiên sáng sau đó giảm dần và biến động nhẹ trong phiên chiều

[Thông tin doanh nghiệp]

LTG, KDH

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và chỉ kê mua lại một phần vị thế trading ở vùng giá thấp trong các nhịp điều chỉnh

30/09/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,342.06	+0.21
VN30	1,453.76	+0.22
HĐTL VN30F1M	1,452.00	+0.19
HNXIndex	357.33	+0.86
HNX30	568.92	+0.85
UPCoM	96.56	+0.65
USD/VND	22,761	+0.04
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.14	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.64	+9
Dầu (WTI, \$)	75.25	+0.56
Vàng (LME, \$)	1,732.63	+0.36



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,342.06 (+0.21%)
KLGD (triệu CP) 476.9 (-12.6%)
GTGD (triệu US\$) 667.2 (-11.9%)

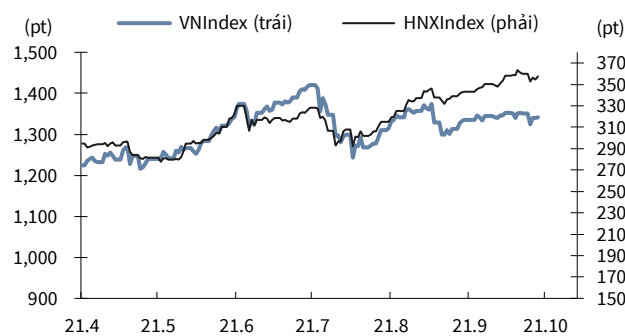
HNXIndex 357.33 (+0.86%)
KLGD (triệu CP) 115.3 (-22.7%)
GTGD (triệu US\$) 84.1 (-14.9%)

UPCoM 96.56 (+0.65%)
KLGD (triệu CP) 63.8 (+1.1%)
GTGD (triệu US\$) 52.7 (+5.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) -7.5

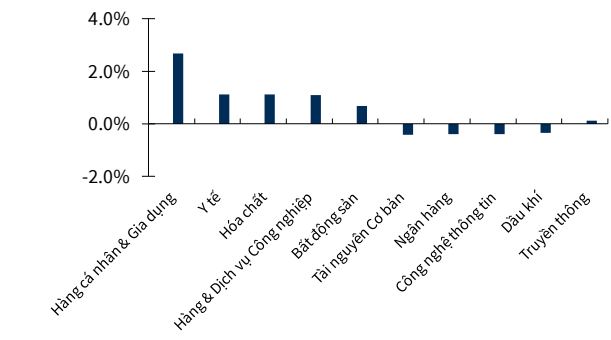
TTCK Việt Nam tăng điểm sau khi Tổng cục Thống kê cho biết nền kinh tế vẫn duy trì mức tăng trưởng dương trong 9 tháng đầu năm, tuy có sự sụt giảm trong quý 3 nhưng an sinh xã hội được đảm bảo, kinh tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát. Chi cục Thú y vùng VI (TP HCM) cho biết tái xuất hiện nhiều ổ dịch tả heo châu Phi khiến giá thịt heo giảm trên cả nước, cổ phiếu ngành heo giảm ở DBC (-0.3%). Hiệp hội dệt may cho biết thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam thực hiện đúng dự kiến mở cửa trở lại vào ngày 1/10 thì quý IV năm nay sẽ bù đắp cho quý III sụt giảm vừa qua, giá cổ phiếu ngành dệt may VGG (+14.9%), VGT (+5.3%). Khối ngoại bán ròng ở HPG (-0.7%), VCB (-1.3%), E1VFN30 (+0.6%).

VNIndex & HNXIndex



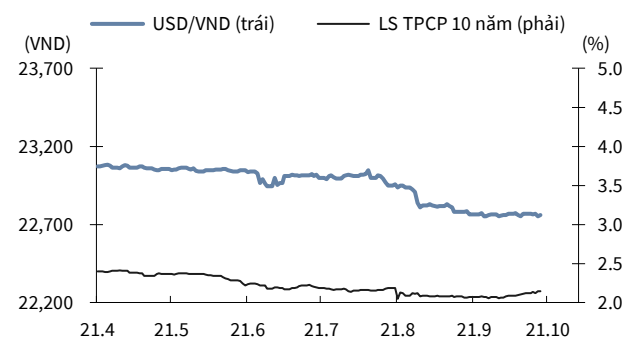
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

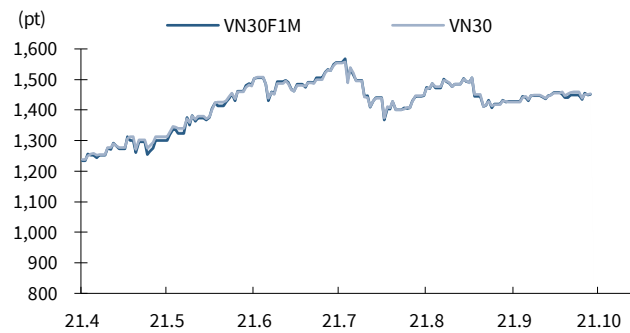
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,453.76 (+0.22%)
VN30F1M	1,452.0 (+0.19%)
Mở cửa	1,451.0
Cao nhất	1,458.5
Thấp nhất	1,448.0

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. F2110 tăng mạnh trong phiên sáng sau đó giảm dần và biến động nhẹ trong phiên chiều. Chênh lệch F2110 và chỉ số VN30 tiếp tục biến động giằng co với biên độ âm trong khoảng -0.35 và -6.01 trước khi đóng cửa ở mức -1.76 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên với thanh khoản thị trường ở mức trung bình.

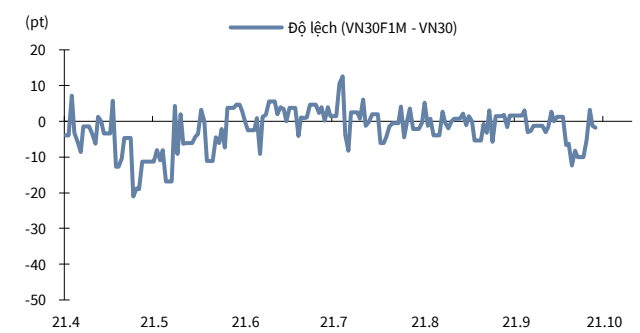
KLGD (HĐ)	183,450 (-22.4%)
------------------	-------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



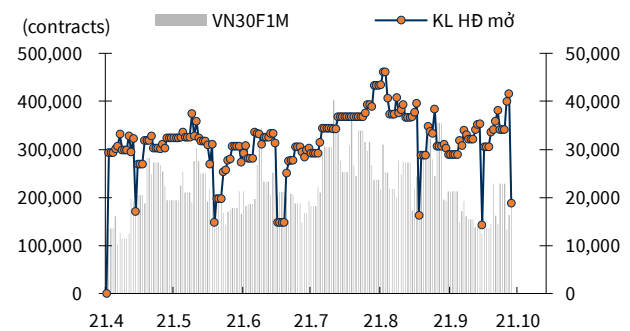
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



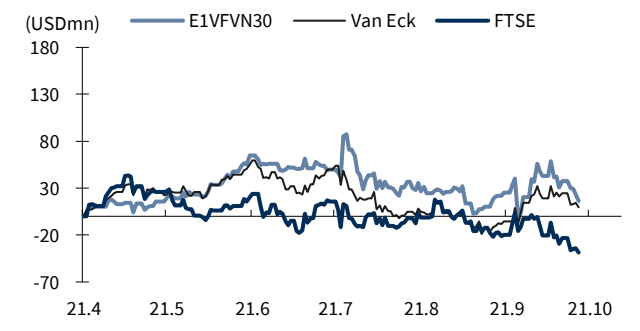
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

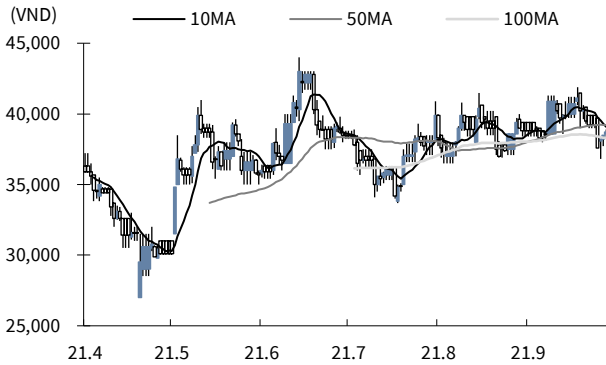
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

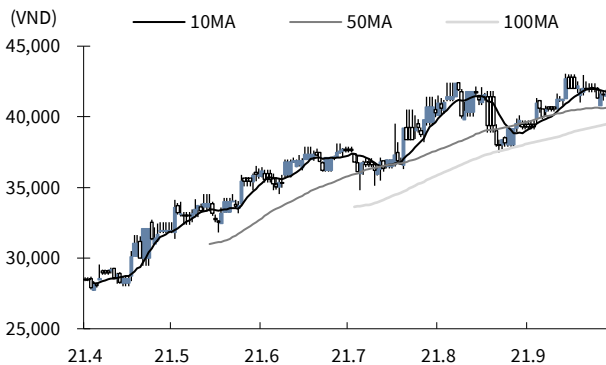
Tập đoàn Lộc Trời (LTG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- LTG tăng 1.6% lên 38,400 VND/cp
- Tập đoàn Lộc Trời công bố thông tin về việc chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp tại 5 công ty con đang hoạt động chính trong lĩnh vực sản xuất, bán buôn gạo. Sau khi thoái vốn, tập đoàn còn 15 công ty con và 1 công ty liên kết.

Nhà Khang Điền (mã)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- KDH không thay đổi ở 41,600 VND/cp
- Nhà Khang Điền thông báo đã bán toán bộ 19.85 triệu cổ phiếu quỹ với giá bình quân 40,866 đồng/cp. Giao dịch được thực hiện từ 14/9 đến 28/9, theo phương thức khớp lệnh hoặc thỏa thuận. Doanh nghiệp thu về hơn 811 tỷ đồng để bổ sung vốn lưu động.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

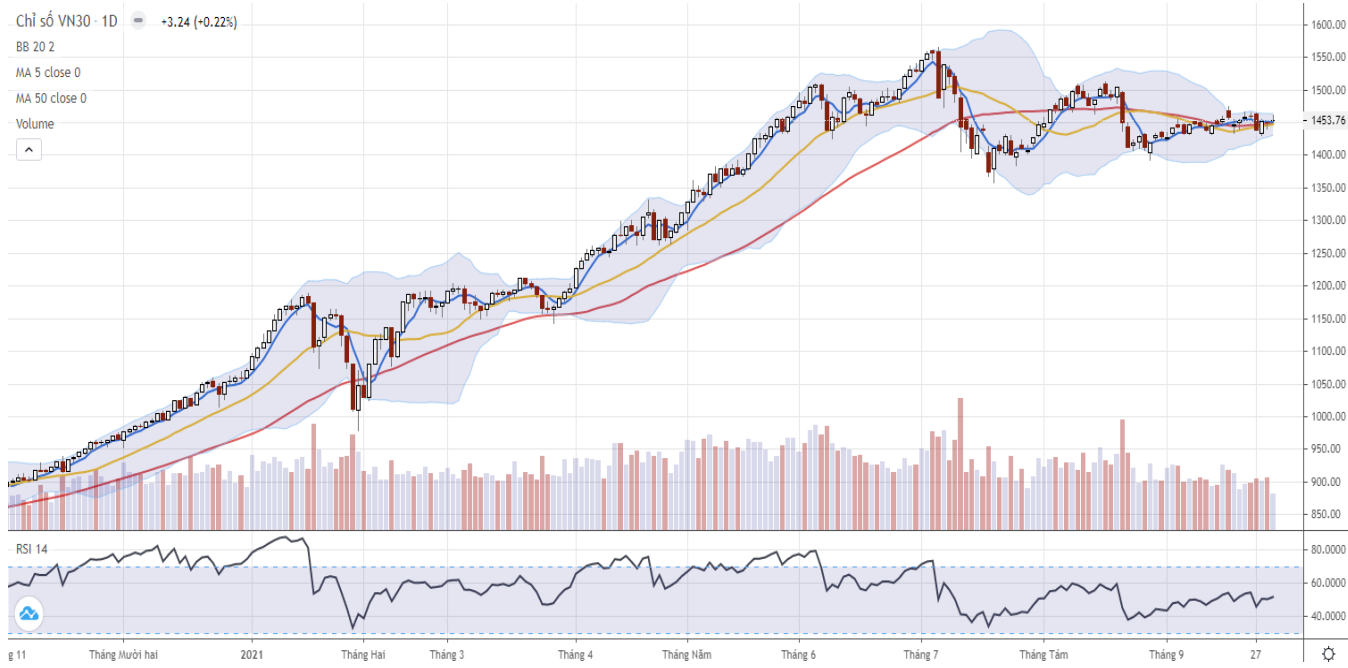
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



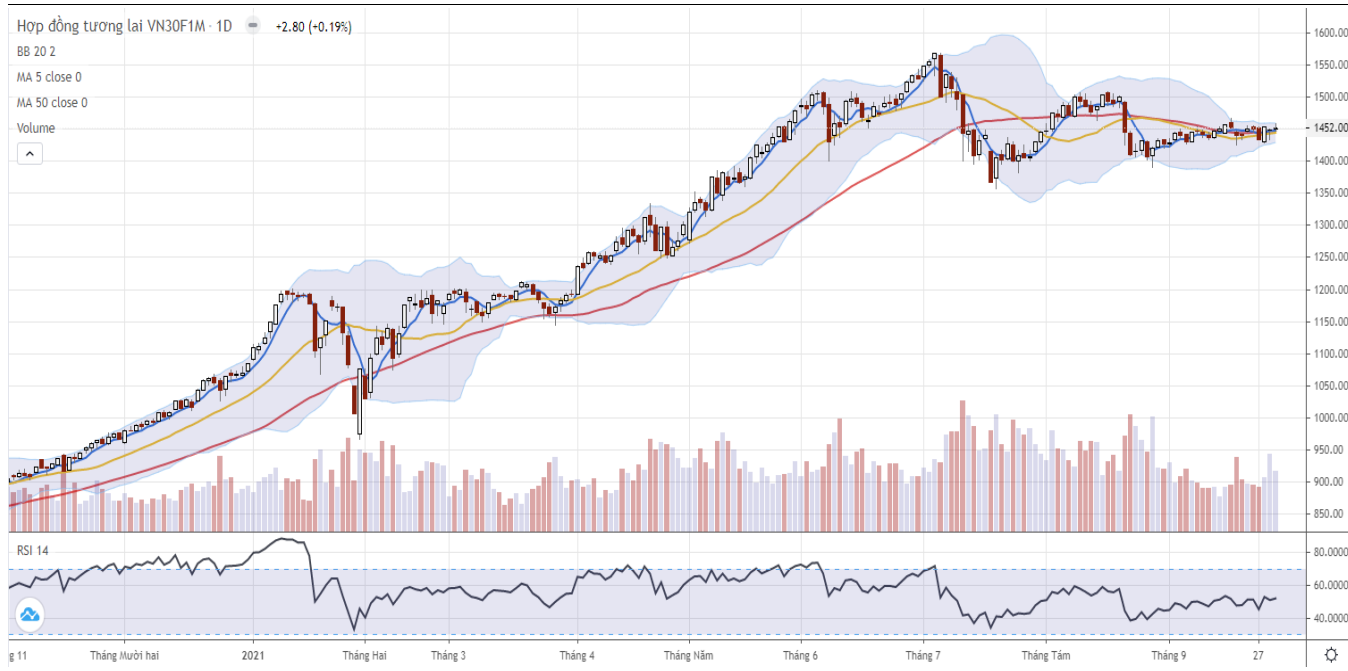
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex mở gap tăng điểm với biên độ mở rộng đầu phiên trước khi suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả về cuối phiên.
- Chỉ số đang một lần nữa chịu ảnh hưởng bởi cạnh trên của mẫu hình tam giác, tại vùng cản quanh 1360 (+-5), với thanh khoản sụt giảm thể hiện sự do dự của cả bên mua và bên bán. Điểm đáng chú ý là mẫu hình đã gần đi đến điểm kết thúc và chúng tôi cho rằng tín hiệu phá vỡ sẽ sớm xuất hiện trong một hai phiên tới. Hiện cơ hội mở rộng nhịp hồi phục của VNIndex vẫn có phần chiếm ưu thế nhưng điều này chỉ được xác nhận nếu chỉ số vượt qua được vùng cản đã đề cập.
- NĐT được khuyến nghị nắm giữ vị thế trung hạn và chỉ kê mua lại một phần vị thế trading ở vùng giá thấp trong các nhịp điều chỉnh.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1465 - 1470

Kháng cự gần: 1456 - 1459

Hỗ trợ gần: 1444 - 1447

Hỗ trợ xa: 1437 - 1441

- F1 mở gap tăng điểm với biên độ mở rộng đầu phiên trước khi suy yếu và đánh mất phần lớn thành quả về cuối phiên.
- Chỉ số một lần nữa chịu ảnh hưởng bởi cạnh trên của mẫu hình tam giác, tại vùng cản 1460 và điểm đáng chú ý là mẫu hình đã gần đi đến điểm kết thúc với tín hiệu phá vỡ sẽ sớm xuất hiện trong một hai phiên tới. Hiện cơ hội mở rộng nhịp hồi phục của F1 vẫn có phần chiếm ưu thế nhưng điều này chỉ được xác nhận nếu chỉ số vượt qua được vùng cản đã đề cập.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục ưu tiên mở vị thế LONG tại các vùng hỗ trợ nhưng chốt ngắn và đặt điểm dừng lỗ chặt.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Nằm giữ vị thế qua đêm đã mở và chỉ đóng khi chỉ số đánh mất hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

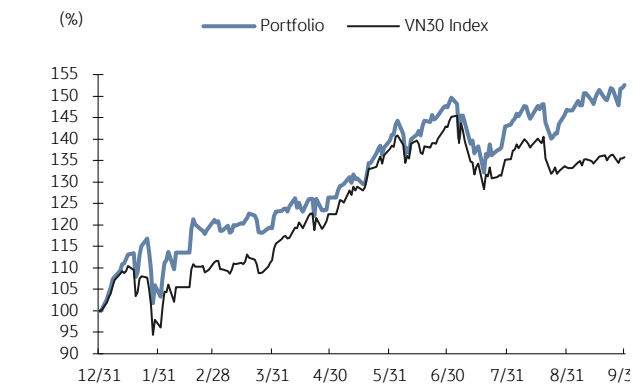
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.22%	0.48%
Tăng lũy kế (YTD)	35.77%	52.57%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 30/09/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	127,800	0.0%	65.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	41,950	0.0%	71.5%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	98,700	5.8%	28.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	27,850	0.2%	121.3%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	65,200	0.2%	91.8%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,000	-0.2%	219.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	30,400	0.0%	60.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	97,000	0.2%	32.2%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	52,900	-0.8%	265.4%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	43,500	-0.6%	217.5%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
VNM	0.0%	54.7%	82.4
HSG	1.3%	11.6%	63.4
DCM	6.9%	2.7%	35.7
VRE	2.8%	29.7%	29.6
CTG	0.0%	24.6%	26.8

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
HPG	-0.8%	26.0%	-182.7
VCB	-1.3%	23.6%	-90.3
E1VFN30	0.6%	96.0%	-36.1
HDB	0.0%	18.0%	-24.5
DPM	3.8%	9.9%	-18.8

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
THD	0.3%	1.7%	3.9
PVI	0.2%	55.0%	2.7
CEO	3.0%	16.0%	2.2
SHB	2.3%	4.0%	1.6
MBG	2.9%	0.2%	1.5

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVB	0.4%	8.5%	-1.7
PVS	1.4%	8.0%	-0.9
VNR	-2.3%	27.5%	-0.7
PGS	1.4%	2.5%	-0.5
ACM	-5.4%	3.1%	-0.5

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.4%	GAS, POW
Dầu khí	3.0%	PLX, PVD
Tài nguyên Cơ bản	2.5%	HPG, PTB
Hàng cá nhân & Gia dụng	2.4%	PNJ, ADS
Bảo hiểm	1.2%	BVH, BMI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dịch vụ tài chính	-4.4%	VCI, SSI
Truyền thông	-3.8%	YEG, ADG
Y tế	-3.0%	DHG, TRA
Hóa chất	-2.3%	GVR, DGC
Bán lẻ	-2.3%	MWG, PSH

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bán lẻ	16.0%	MWG, DGW
Du lịch và Giải trí	8.1%	HVN, VJC
Tài nguyên Cơ bản	7.7%	HPG, HSG
Hàng cá nhân & Gia dụng	7.2%	PNJ, RAL
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	6.7%	GAS, PGD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Y tế	-5.9%	DHG, VMD
Hóa chất	-4.6%	GVR, DPM
Truyền thông	-4.5%	ADG, YEG
Bất động sản	-3.5%	VIC, VHM
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-2.7%	APH, REE

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNĐ tỷ, USDmn)	GTGD (VNĐ tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)			EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E			20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	282,632 (12.4)	22.5	58.5	56.2	14.7	4.1	5.7	3.7	3.4	1.5	1.0	-6.5	-8.5	
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	870,181 (38.2)	26.6	10.0	9.2	35.9	32.1	27.1	2.8	2.1	0.1	-1.3	-4.3	13.7	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	145,445 (6.4)	17.8	26.3	18.3	-7.6	6.8	10.4	2.2	2.1	2.8	0.7	6.6	-7.3	
	NVL	NO VA LAND INVES	60,068	86,712 (3,768)	215,796 (9.5)	31.3	35.2	18.8	6.7	19.4	17.4	4.3	3.4	0.0	-1.0	-2.3	112.1	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	109,431 (4.8)	11.6	24.8	18.3	18.0	12.3	14.4	2.8	2.4	0.0	-1.0	4.7	56.2	
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	84,462 (3.7)	13.9	10.9	8.0	-	16.3	18.5	1.6	1.3	0.3	-3.5	-1.1	37.7	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	102,000	378,305 (16,441)	80,623 (3.5)	6.3	18.3	14.3	11.7	19.7	20.1	3.1	2.5	-1.3	-2.3	-2.2	-0.7	
	BID	BANK FOR INVESTM	43,400	174,556 (7,586)	54,986 (2.4)	12.7	17.1	12.1	-5.3	13.2	17.0	1.8	1.7	-1.1	0.0	1.3	-17.6	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	382,801 (16.8)	0.0	10.4	8.6	14.3	20.4	20.2	1.9	1.6	0.4	-1.2	2.3	57.5	
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	273,770 (12.0)	1.4	10.6	8.0	61.1	18.3	20.5	1.3	1.1	0.0	-3.8	-4.4	13.6	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	41,300	101,381 (4,406)	443,517 (19.5)	0.0	12.8	10.9	18.8	22.9	16.6	2.0	1.6	-0.2	-1.6	7.0	102.8	
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	341,055 (15.0)	0.0	8.6	7.1	14.6	22.1	22.3	1.6	1.3	0.2	-0.2	-0.2	65.0	
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	56,010 (2.5)	4.2	9.3	8.1	23.3	22.2	21.5	1.7	-	0.0	0.0	-2.1	33.7	
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	326,254 (14.3)	14.0	17.6	13.0	26.5	10.3	12.6	-	-	-0.4	-3.4	-6.0	52.1	
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,850	28,732 (1,249)	291,842 (12.8)	0.0	9.7	8.1	37.5	22.6	20.3	1.9	1.5	0.5	0.1	22.0	55.2	
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	11,959 (0.5)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.4	-2.9	-6.9	22.6	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	84,854 (3.7)	21.0	26.2	23.7	15.8	8.2	8.6	2.0	1.9	0.7	1.0	2.5	-11.5	
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	34,671 (1.5)	14.2	17.0	17.5	9.1	12.0	12.0	1.9	1.7	-0.5	4.3	17.4	60.4	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	489,472 (21.5)	55.4	15.6	14.0	-3.2	17.3	17.7	-	-	1.4	-3.0	-0.4	85.9	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	303,388 (13.3)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	-0.2	-5.9	-1.2	104.5	
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (387)	249,298 (11.0)	52.4	-	-	-25.5	-	-	-	-	-1.1	-5.6	-4.8	65.6	
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	374,418 (16.4)	27.2	11.2	18.9	36.3	-	-	3.7	3.4	0.4	-4.9	0.8	171.6	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	324,924 (14.3)	42.1	18.8	17.4	4.0	32.7	33.9	5.7	5.5	0.0	-1.3	2.5	-17.6	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	32,122 (1.4)	36.9	21.4	18.0	7.3	23.0	24.2	4.4	3.8	-0.3	-1.1	4.3	-19.8	
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	203,267 (8.9)	16.5	50.6	28.7	-51.9	17.5	22.8	8.6	6.7	1.1	-1.7	5.6	60.4	
HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	57,385 (2.5)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	0.3	-7.4	1.5	-50.4		
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	112,429 (4.9)	11.0	-	35.8	-88.5	0.4	16.2	-	-	-0.5	3.4	1.1	2.3	
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	166,346 (7.3)	10.8	28.8	19.5	-57.0	9.2	13.1	2.4	2.2	2.0	-1.2	-3.9	52.1	
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	56,524 (2.5)	38.4	23.4	12.5	65.7	4.7	7.5	-	-	0.9	1.1	0.3	-17.1	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	70,173 (3.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.6	-4.5	5.6	107.5	
	GEX	GELEX GROUP JSC	17,224	10,411 (452)	187,761 (8.2)	37.7	-	-	-13.2	12.1	12.7	-	-	0.0	-2.9	-4.3	28.7	
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	19,616 (0.9)	3.6	104.4	27.0	-52.4	0.6	2.3	0.6	0.6	-0.6	-0.1	-3.3	-12.4	
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	64,297 (2.8)	0.0	12.3	10.3	-4.5	13.2	14.1	1.5	1.5	0.2	-2.7	-1.2	33.2	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	105,811 (4.6)	46.1	20.7	16.9	-17.5	18.4	20.6	3.7	3.4	0.2	7.1	8.5	12.0
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	24,267 (1.1)	31.4	15.3	11.4	-10.5	11.1	13.6	1.4	1.5	-1.0	-2.8	0.0	-16.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	15,537 (0.7)	34.1	17.8	10.6	-5.1	7.9	13.9	1.5	1.4	-0.6	0.2	-7.3	-6.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,357,538 (59.6)	18.0	7.7	8.6	21.9	40.0	30.4	2.5	2.4	-0.8	3.7	7.3	72.3
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (286)	197,206 (8.7)	36.5	13.3	19.8	-0.5	13.8	8.9	1.7	1.6	3.8	5.6	0.0	95.7
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	111,005 (4.9)	46.5	18.5	18.5	-4.5	11.9	11.3	2.0	1.9	6.9	7.1	5.8	88.9
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	617,055 (27.1)	38.9	5.5	7.5	67.9	47.9	25.6	2.1	1.6	1.3	0.0	16.5	130.9
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	101,020 (4.4)	97.2	-	-	17.2	-	-	-	-	0.0	-5.4	-2.7	19.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	56,617 (2.5)	4.6	17.6	15.4	-51.0	16.0	16.1	-	-	-0.8	2.8	3.8	-5.5
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	172,822 (7.6)	39.9	267.1	36.6	-11.9	0.2	2.2	0.7	0.7	2.7	4.8	17.2	40.7
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	171,867 (7.5)	35.9	10.8	9.9	1.2	14.7	14.5	1.5	1.3	0.0	-1.9	2.2	65.0
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	166,599 (7.3)	0.0	18.9	14.7	13.7	24.5	27.2	4.2	3.6	0.0	-3.2	15.1	61.2
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	63,948 (2.8)	0.0	20.9	16.6	2.4	20.2	23.4	3.8	3.3	5.8	7.0	14.8	21.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	3,165 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	0.3	-8.1	-2.6	-66.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	102,219 (4.5)	30.3	39.2	24.4	-75.2	8.0	12.1	3.0	2.8	4.7	4.4	15.4	48.6
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	37,621 (1.7)	34.6	16.7	9.3	41.2	13.8	26.3	2.1	2.2	0.2	-0.2	-0.9	-16.7
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,856 (0.2)	45.4	17.7	16.7	10.7	20.3	20.3	3.4	3.1	1.5	-4.2	10.4	-3.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	073 (0.0)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	0.0	-0.6	-0.6	7.8
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	175,182 (7.7)	0.0	20.6	17.6	15.5	24.3	25.3	4.4	3.9	-0.2	-0.1	0.6	81.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhtd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Mid cap, Semi bluechips & Thị trường
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Mid cap, Semi bluechips & Thị trường
anhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị**Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu**

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.